

## MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA NHẬN THỨC, THÁI ĐỘ VÀ HÀNH VI VĂN HÓA HỌC ĐƯỜNG CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ

Trần Lương

Trường Đại học Cần Thơ  
Email: [tuong@ctu.edu.vn](mailto:tuong@ctu.edu.vn)

### Article History

Received: 08/3/2020

Accepted: 15/4/2020

Published: 08/5/2020

### Keywords

awareness, attitude, school culture, students, Can Tho University.

### ABSTRACT

The study was conducted to survey the current situation and the correlations among awareness, attitude, and school cultural behaviors of students at Can Tho University. The survey was conducted for 759 students at Can Tho University with questionnaires about awareness, attitude, and school cultural behaviors. The SPSS for Windows was used to code and analyze the data collected. The results of this study showed that students understand correctly the concept of school cultural behaviors, are interested in cultural behaviors, and often show school cultural behaviors. There were significant differences between mean scores of students' awareness about the concept of school cultural behaviors and mean of students' interest in school cultural behaviors and mean of students' school cultural behaviors. There are strong correlations among awareness, attitude, and school cultural behaviors of students at Can Tho University. The recommendation drawn from this finding is that it is necessary to develop synchronously and balance among the awareness, attitude, and school cultural behaviors for students.

## 1. Mở đầu

Những nghiên cứu trước đây đã đưa ra khái niệm “văn hóa học đường” (VHHĐ) và khái niệm “hành vi VHHĐ”, từ đó chỉ ra rằng, hành vi VHHĐ có những ảnh hưởng nhất định đến quá trình dạy học (Deal & Peterson, 1999). Theo MacNeil và cộng sự (2009), những hành vi VHHĐ ảnh hưởng tích cực đến quá trình dạy học; ngược lại, những hành vi thiếu văn hóa tác động tiêu cực đến quá trình dạy học (Sun & Shek, 2012a; Tiwari & Panwar, 2014; Wheldall, 1991). Thực trạng mức độ nhận thức, thái độ và hành vi VHHĐ của sinh viên (SV) Trường Đại học Cần Thơ và mối tương quan giữa chúng đang là vấn đề còn bỏ ngỏ chưa được nghiên cứu. Vì vậy, nghiên cứu này được tiến hành nhằm khảo sát, đánh giá thực trạng nhận thức, thái độ và hành vi VHHĐ của SV Trường Đại học Cần Thơ và mối tương quan giữa chúng để từ đó tìm ra các giải pháp hình thành và phát triển năng lực này cho SV nhà trường, góp phần nâng cao hiệu quả dạy học.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Văn hóa học đường

VHHĐ là tập hợp các tiêu chuẩn, giá trị và niềm tin, nghi lễ, kí hiệu và câu chuyện tạo thành “nét đặc trưng riêng” của trường (Deal & Peterson, 1999). Hành vi VHHĐ là một trong những thành tố cấu thành của VHHĐ, là hành vi mang tính thẩm mỹ và chuẩn mực (thẩm mỹ, đạo đức, pháp luật, văn hóa, nội quy, quy chế, quy định) có trong các mối quan hệ học đường (MacNeil và cộng sự, 2009).

Theo Hoàng Phê và cộng sự (2016), nhận thức là kết quả của quá trình phản ánh và tái hiện hiện thực vào trong tư duy, là kết quả con người nhận biết, hiểu biết thế giới khách quan; thái độ là tổng thể nói chung những biểu hiện của ý nghĩ, tình cảm được thể hiện ra bên ngoài qua nét mặt, cử chỉ, lời nói, hành động trước một đối tượng, một sự việc nào đó; hành vi là toàn bộ những phản ứng, cách cư xử hiện ra ngoài qua lời nói, cử chỉ, hành động của một người trong một hoàn cảnh cụ thể.

### 2.2. Đánh giá nhận thức, thái độ và hành vi văn hóa học đường của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

#### 2.2.1. Thiết kế nghiên cứu và phân tích dữ liệu

Khảo sát được tiến hành gồm 759 SV Trường Đại học Cần Thơ vào tháng 8/2019, phân bố như sau:

- Về nhóm ngành khảo sát, bao gồm các khoa: Sư phạm: 243 SV (32,0%); Xã hội (Chính trị, Khoa học xã hội và Nhân văn, Ngoại ngữ, Luật, Kinh tế): 218 SV (28,7%); Công nghệ và Công nghệ thông tin (CN và CNTT): 194 SV (25,6%); Tự nhiên và các ngành khác (Môi trường, Nông nghiệp, Phát triển nông thôn, Thủy sản,...): 104 SV (13,7%).
- Về giới tính, có 367 (48,4%) SV nam và 392 (51,6%) SV nữ.

- Về năm học, có SV năm thứ nhất: 41 (5,4%); SV năm thứ hai: 430 (56,7%); SV năm thứ ba: 195 (25,7%); SV năm thứ tư: 93 (12,3%).

- Về học lực, có 2 (0,3%) SV học lực kém; 9 (1,2%) SV học lực trung bình yếu; 114 (15%) SV học lực trung bình; 474 (62,5%) SV học lực khá; 133 (17,5%) SV học lực giỏi; 27 (3,6%) SV học lực xuất sắc.

Khái niệm, câu hỏi và 27 chỉ báo về hành vi VHHD được đưa ra để SV lựa chọn/trả lời. Các câu trả lời/lựa chọn của SV được thiết kế với 5 mức độ bao gồm: (1) Hoàn toàn không đồng ý/Hoàn toàn không quan tâm/Không bao giờ; (2) Không đồng ý/Không quan tâm/Hiếm khi; (3) Phân vân/Ít quan tâm/Thỉnh thoảng; (4) Đồng ý/Quan tâm/Thường xuyên; (5) Hoàn toàn đồng ý/Rất quan tâm/Rất thường xuyên.

Điểm trung bình được tính như sau: Từ 1 đến 1,8 = Hoàn toàn không đồng ý/Hoàn toàn không quan tâm/Không bao giờ; Từ 1,9 đến 2,6=Không đồng ý/Không quan tâm/Hiếm khi; Từ 2,7 đến 3,4=Phân vân/Ít quan tâm/Thỉnh thoảng; Từ 3,5 đến 4,2=Đồng ý/Quan tâm/Thường xuyên; Từ 4,3 đến 5=Hoàn toàn đồng ý/Rất quan tâm/Rất thường xuyên.

Phần mềm SPSS FOR WINDOWS 16.0 sử dụng để mã hóa và xử lý số thống kê với các kiểm định T-test, Anova, các phép tính Mean, Std. Deviation, Percent, Frequencies,... với Cronbach's Alpha =0,92.

### 2.2.2. Thực trạng nhận thức, thái độ và hành vi của sinh viên về văn hóa học đường

Bảng 1. Nhận thức, thái độ và hành vi của SV về VHHD

Nội dung	ĐTB	ĐLC
Hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD	4,3175	0,77602
Sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD	4,0777	0,70094
Thể hiện các hành vi VHHD của SV	4,0251	0,50119

- Bảng 1 cho thấy, mức độ hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD có điểm trung bình là 4,3275 và độ lệch chuẩn là 0,77602 - ứng với mức *hoàn toàn đồng ý* với khái niệm hành vi VHHD được đưa ra. Điều này chứng tỏ, SV hiểu đúng về khái niệm hành vi VHHD. Mức độ quan tâm của SV đối với hành vi VHHD có điểm trung bình là 4,0777 và độ lệch chuẩn là 0,70094 - ứng với mức *quan tâm* đến hành vi VHHD. Mức độ thể hiện hành vi VHHD của SV có tổng điểm trung bình là 4,0251 và độ lệch chuẩn là 0,50119 - ứng với mức *thường xuyên* thể hiện những hành vi VHHD.

Điểm trung bình từ cao nhất đến thấp nhất theo thứ tự lần lượt là: Hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD có điểm trung bình cao nhất (ĐTB=4,3175); Cao thứ hai là điểm trung bình Sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD (ĐTB=4,0777); Cuối cùng là điểm trung bình thể hiện các hành vi VHHD của SV (ĐTB=4,0251).

Như vậy, SV hiểu đúng khái niệm VHHD, quan tâm đến hành vi VHHD và thường xuyên thể hiện những hành vi VHHD.

- Sự khác biệt giữa điểm trung bình về nhận thức, thái độ và hành vi của SV xét theo các khối ngành:

Bảng 2. Sự khác biệt về giữa điểm trung bình về nhận thức, thái độ và hành vi của SV xét theo các khối ngành

Nội dung	Khối ngành	ĐTB	ĐLC	Sig.
Hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD	Sư phạm	4,2922	0,83383	0,227
	Xã hội	4,2629	0,68133	
	CN và CNTT	4,4083	0,81083	
	Tự nhiên và các ngành khác	4,2885	0,71967	
Sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD	Sư phạm	4,0988	0,69719	0,029
	Xã hội	3,9897	0,73400	
	CN và CNTT	4,1743	0,63455	
	Tự nhiên và các ngành khác	3,9904	0,75678	
Thể hiện các hành vi VHHD của SV	Sư phạm	4,0533	0,47250	0,053
	Xã hội	3,9578	0,56933	
	CN và CNTT	4,0775	0,51423	
	Tự nhiên và các ngành khác	3,9751	0,37524	

Bảng 3. So sánh chéo

Biến độc lập	(I) Nhóm ngành	(J) Nhóm ngành	Khác biệt trung bình (I-J)	Sig.
Hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD	Sư phạm	CN và CNTT	0,02929	1,000
		Xã hội	-0,11608	0,654
		Tự nhiên và các ngành khác	0,00372	1,000
	CN và CNTT	Sư phạm	-0,02929	1,000
		Xã hội	-0,14537	0,347
		Tự nhiên và các ngành khác	-0,02557	1,000
	Xã hội	Sư phạm	0,11608	0,654
		CN và CNTT	0,14537	0,347
		Tự nhiên và các ngành khác	0,11980	1,000
	Tự nhiên và các ngành khác	Sư phạm	-0,00372	1,000
		CN và CNTT	0,02557	1,000
		Xã hội	-0,11980	1,000
Sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD	Sư phạm	CN và CNTT	0,10907	0,630
		Xã hội	-0,07555	1,000
		Tự nhiên và các ngành khác	0,10838	1,000
	CN và CNTT	Sư phạm	-0,10907	0,630
		Xã hội	-0,18462*	0,045
		Tự nhiên và các ngành khác	-0,00069	1,000
	Xã hội	Sư phạm	0,07555	1,000
		CN và CNTT	0,18462*	0,045
		Tự nhiên và các ngành khác	0,18393	0,164
	Tự nhiên và các ngành khác	Sư phạm	-0,10838	1,000
		CN và CNTT	0,00069	1,000
		Xã hội	-0,18393	0,164
Thể hiện các hành vi VHHD của SV	Sư phạm	CN và CNTT	0,09554	0,284
		Xã hội	-0,02413	1,000
		Tự nhiên và các ngành khác	0,07827	1,000
	CN và CNTT	Sư phạm	-0,09554	0,284
		Xã hội	-0,11966	0,093
		Tự nhiên và các ngành khác	-0,01726	1,000
	Xã hội	Sư phạm	0,02413	1,000
		CN và CNTT	0,11966	0,093
		Tự nhiên và các ngành khác	0,10240	0,515
	Tự nhiên và các ngành khác	Sư phạm	-0,07827	1,000
		CN và CNTT	0,01726	1,000
		Xã hội	-0,10240	0,515

(\*: Sự khác biệt trung bình có ý nghĩa ở mức 0.05)

Các giả thuyết được đặt ra là: (Giả thuyết H<sub>01</sub>) Không có sự khác biệt giữa điểm trung bình hiểu biết về khái niệm hành vi VHHD của SV xét theo các khối ngành; (Giả thuyết H<sub>02</sub>) Không có sự khác biệt giữa điểm trung bình sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD xét theo các khối ngành; (Giả thuyết H<sub>03</sub>) Không có sự khác biệt giữa điểm trung bình thể hiện hành vi VHHD của SV xét theo các khối ngành.

Bảng 2 cho thấy, với sig.=0,227 có thể khẳng định, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê điểm trung bình hiểu biết về khái niệm hành vi VHHD của SV giữa SV ở các khối ngành học. Vì vậy, giả thuyết H<sub>01</sub>, được chấp nhận; Với sig.=0,029, có thể khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê điểm trung bình sự quan tâm đến hành vi VHHD của SV giữa các khối ngành học.

Bảng 3 cho thấy, chỉ có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa SV khối ngành Xã hội với SV khối ngành CN&CNTT. SV khối ngành CN&CNTT có sự quan tâm hơn đến với hành vi VHHD so với SV khối ngành xã hội (Điểm chênh lệch là 0,18462). Vì vậy, giả thuyết  $H_{02}$  bị bác bỏ; Với sig.=0,053, có thể khẳng định, không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê điểm trung bình thể hiện các hành vi VHHD của SV giữa SV ở các khối ngành học. Vì vậy, giả thuyết  $H_{03}$  được chấp nhận.

Như vậy, ngoại trừ SV khối ngành CN&CNTT có sự quan tâm hơn đến với hành vi VHHD so với SV khối ngành xã hội và SV ở các khối ngành khác nhau thì mức độ hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD, mức độ quan tâm của SV đối với hành vi VHHD và mức độ thể hiện các hành vi VHHD là như nhau.

- Sự khác biệt về giữa điểm trung bình về nhận thức, thái độ và hành vi của SV về VHHD:

Bảng 4. Sự khác biệt về giữa điểm trung bình về nhận thức, thái độ và hành vi của SV về VHHD

Các cặp		ĐTB	ĐLC	Sig.(2-tailed)
Cặp 1	Hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD	4,3175	0,77602	0,000
	Sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD	4,0777	0,70094	
Cặp 2	Hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD	4,3175	0,77602	0,000
	Thể hiện các hành vi VHHD của SV	4,0251	0,50119	
Cặp 3	Sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD	4,0777	0,70094	0,051
	Thể hiện các hành vi VHHD của SV	4,0251	0,50119	

Các giả thuyết được đặt ra: (Giả thuyết  $H_{01}$ ) Không có sự khác biệt giữa điểm trung bình hiểu biết về khái niệm hành vi VHHD với điểm trung bình sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD; (Giả thuyết  $H_{02}$ ) Không có sự khác biệt giữa điểm trung bình hiểu biết về khái niệm hành vi VHHD với điểm trung bình thể hiện hành vi VHHD của SV; (Giả thuyết  $H_{03}$ ) Không có sự khác biệt giữa điểm trung bình sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD với điểm trung bình thể hiện hành vi VHHD của SV.

Qua kiểm định Paired Samples Test, Bảng 4 cho thấy, cặp 1 với sig.=0,000, có thể khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa điểm trung bình hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD (ĐTB=4,3175) và điểm trung bình sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD (ĐTB=4,0777). Điểm khác biệt là 0,2398. Vì vậy, giả thuyết  $H_{01}$  bị bác bỏ; Cặp 2 với sig.=0,000, có thể khẳng định có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa điểm trung bình hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD (ĐTB=4,3175) và điểm trung bình thể hiện các hành vi VHHD của SV (ĐTB=4,0251). Điểm khác biệt là 0,2924. Vì vậy, giả thuyết  $H_{02}$  bị bác bỏ; Cặp 3 với sig.=0,051 có thể khẳng định không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa điểm trung bình sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD (ĐTB=4,0777) và điểm trung bình thể hiện các hành vi VHHD của SV (ĐTB=4,0251). Điểm khác biệt là 0,0526 - sự khác biệt không đáng kể/không có ý nghĩa về mặt thống kê. Vì vậy, giả thuyết  $H_{03}$  được chấp nhận.

Như vậy, không có sự đồng đều giữa điểm trung bình giữa nhận thức, thái độ và hành vi của SV đối với VHHD.

### 2.2.3. Mối tương quan giữa nhận thức, thái độ và hành vi văn hóa của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ

Bảng 5. Mối tương quan giữa nhận thức, thái độ và hành vi văn hóa của SV

		Hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD	Sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD	Thể hiện hành vi VHHD của SV
Hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD	Tương quan Pearson	1	0,306**	0,203**
	Sig. (2-tailed)		0,000	0,000
	N	759	759	759
Sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD	Tương quan Pearson	0,306**	1	0,271**
	Sig. (2-tailed)	0,000		0,000
	N	759	759	759
Thể hiện hành vi VHHD của SV	Tương quan Pearson	0,203**	0,271**	1
	Sig. (2-tailed)	0,000	0,000	
	N	759	759	759

(\*\*. Tương quan có ý nghĩa ở mức 0.01 (2-tailed))

Các giả thuyết được đặt ra: (Giả thuyết  $H_0$ ) Không có mối tương quan giữa điểm trung bình hiểu biết về khái niệm hành vi VHHD với điểm trung bình sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD; (Giả thuyết  $H_{02}$ ) Không có mối tương quan giữa điểm trung bình hiểu biết về khái niệm hành vi VHHD với điểm trung bình thể hiện hành vi

VHHD của SV; (Giả thuyết H<sub>03</sub>) Không có mối tương quan giữa điểm trung bình sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD với điểm trung bình thể hiện hành vi VHHD của SV.

Bảng 5 cho thấy, với sig.=000 có thể kết luận có mối tương quan giữa nhận thức, thái độ, và hành vi VHHD của SV. Vì vậy, giả thuyết H<sub>01</sub>, H<sub>02</sub> H<sub>03</sub> bị bác bỏ. Cụ thể: SV càng nhận thức đúng về hành vi VHHD thì càng có thái độ quan tâm và thường xuyên thể hiện hành vi VHHD hơn; SV càng có thái độ quan tâm đến VHHD thì càng nhận thức đúng về hành vi VHHD và càng thường xuyên thể hiện hành vi VHHD; SV càng thường xuyên thể hiện hành vi VHHD thì càng nhận thức đúng về hành vi VHHD và càng có thái độ quan tâm đến VHHD.

Như vậy, nhận thức, thái độ, và hành vi VHHD của SV không tồn tại, đứng độc lập mà là mối tương quan thuận và chặt chẽ với nhau.

Những nghiên cứu trước đây phát hiện hành vi VHHD có mối tương quan đến việc dạy học. Theo MacNeil (2009) hành vi văn hóa có tác động tích cực đến kết quả học tập. Ngược lại, môi trường học tập không lành mạnh với những hành vi liên quan đến vi phạm quy tắc, chuẩn mực, không phù hợp trong môi trường lớp học làm sẽ đảo lộn việc dạy học (Sun & Shek, 2012b) và có tác động tiêu cực đến việc dạy và học (Sun & Shek, 2012b; Tiwari & Panwar, 2014) và kết quả học tập (Wheldall, 1991). Luong Tran và cộng sự (2019) đã phát hiện có mối tương quan giữa vấn đề gặp phải về năng lực tự nhận thức và nhu cầu được tham vấn về năng lực tự nhận thức.

Nghiên cứu này phát hiện SV hiểu đúng khái niệm hành vi VHHD, quan tâm đến hành vi VHHD và thường xuyên thể hiện những hành vi VHHD; Có sự khác biệt giữa điểm trung bình hiểu biết của SV về khái niệm hành vi VHHD với điểm trung bình sự quan tâm đối với hành vi VHHD và điểm trung bình thể hiện hành vi VHHD của SV. Kết quả này cho thấy, chưa có sự đồng đều giữa mặt nhận thức, thái độ (sự quan tâm) và hành vi của SV đối với VHHD, vì vậy, cần chú ý phát triển đồng bộ và cân bằng nhận thức, thái độ và hành vi VHHD trong quá trình hình thành và phát triển năng lực này cho SV.

### 3. Kết luận

SV hiểu đúng khái niệm “hành vi VHHD”, có sự quan tâm đến VHHD và thường xuyên thể hiện VHHD. Đã có sự khác biệt giữa điểm trung bình hiểu biết của SV về khái niệm “hành vi VHHD” với điểm trung bình sự quan tâm của SV đối với hành vi VHHD và điểm trung bình thể hiện hành vi VHHD của SV. Có mối tương quan thuận và chặt chẽ giữa nhận thức, thái độ và hành vi VHHD của SV. Từ đó, chúng tôi nhận thấy, cần phải phát triển đồng bộ và cân bằng giữa nhận thức, thái độ và hành vi VHHD cho SV thông qua việc tổ chức chuyên đề rèn luyện hành vi VHHD cho SV; Lồng ghép, tích hợp rèn luyện hành vi VHHD cho SV thông qua dạy học các học phần; Xây dựng môi trường VHHD cho SV; Xây dựng quy định về hành vi VHHD; Xây dựng phong trào thực hiện hành vi VHHD.

### Tài liệu tham khảo

- Deal, T.E. & Peterson, K.D. (1999). *Shaping school culture: The heart of leadership*. San Francisco: Jossey-Bass.
- Hoàng Phê, Hoàng Thị Tuyền Linh, Vũ Xuân Lương, Đào Thị Minh Thu, Phạm Thị Thủy, Đặng Thanh Hòa (2016). *Từ điển tiếng Việt thông dụng*. NXB Đà Nẵng.
- Luong Tran, Son Van Huynh, Hoi Duc Dinh, Vu Thien Giang (2019). *Improving the self-awareness capacity of secondary school students by forming a school counseling model based on student capacity development orientation in Vietnam*. Problems of education in the 21<sup>st</sup> century, 77(6), 722-733.
- MacNeil, A. J., Prater, D. L., & Busch, S. (2009). *The effects of school culture and climate on student achievement*. International Journal of Leadership in Education, ISSN: 1360-3124 (Print), 1464-5092 (Online).
- Sun, Rachel C.F., & Shek, Daniel T.L. (2012a). *Student Classroom Misbehavior: An Exploratory Study Based on Teachers' Perceptions*. The Scientific World Journal, Volume 2012, Article ID 208907, 8 pages. DOI: 10.1100/2012/208907.
- Sun, Rachel C.F., & Shek, Daniel T.L. (2012b). *Classroom Misbehavior in the Eyes of Students: A Qualitative Study*. Scientific World Journal, Volume 2012, Article ID 398482, 8 pages. DOI: 10.1100/2012/398482.
- Tiwari, N., & Panwar, H. (2014). *A study on the management of classroom behavior problems at the secondary level*. American research thoughts, 01(11).
- Wheldall, K. (1991). *Managing troublesome classroom behavior in regular schools: A Positive Teaching perspective*. International Journal of Disability, Development and Education, 38, 99-116.